TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27/2023/QĐST-HNGĐ
Ngày: 14 - 4 - 2023.

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
(Về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có*:**

- *Chủ tọa phiên họp*: Ông Mạc Minh Quang - Thẩm phán

- *Thư ký phiên họp*: Ông Hoàng Hữu Thắng - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/02/2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định mở phiên họp số 95/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2023, giữa:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

- Chị **Hứa Thị N**, sinh năm 1990. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

- Anh **Trần Anh Đ**, sinh năm 1989. Địa chỉ: đường H, phường B, thị xã H, tỉnh ĐắkLắk.

- *Người liên quan đồng thời là người được chị N ủy quyền giao nhận văn bản*: Bà **Mạc Thị X**, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Chị N, anh Đ và bà X đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của chị N, anh Đ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hứa Thị N và anh Trần Anh Đ tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Sở hành chính quận Edogawa, Tokyo, Nhật Bản vào ngày 28/06/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau tại Nhật Bản và tổ chức cuộc sống chung vui vẻ hòa thuận, có 01 con chung với nhau. Sau khi sinh con một thời gian, do công việc bận rộn và không có người trông nom con nên vợ chồng cho con là Trần Hứa T về Việt Nam cho ông bà ngoại tại thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương nhờ chăm sóc, nuôi dưỡng; vợ chồng vẫn thường xuyên gửi tiền về để chăm con hàng tháng. Đến giữa năm 2017 thì vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu không hợp nhau trong cuộc

sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, đánh cãi nhau dẫn đến cuộc sống lạnh nhạt. Sau đó do anh Đ hết hạn lao động tại Nhật Bản nên anh Đ đã về Việt Nam sinh sống tại phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk từ tháng 7 năm 2018, còn chị N vẫn sinh sống và làm việc tại Nhật Bản cho đến nay chưa về nước. Từ đó vợ chồng không còn liên lạc và quan tâm đến cuộc sống của nhau, cả hai sống ly thân gần 5 năm nên tình cảm vợ chồng không còn, có níu kéo cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, nên chị N và anh Đ làm đơn đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần Hứa T, sinh ngày 07/10/2016. Hiện tại cháu T đang ở với ông bà ngoại tại xã T, huyện N. Sau khi ly hôn, vợ chồng thống nhất để chị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải đóng góp tiền nuôi con. Trong thời gian chị N chưa về nước, chị N có trách nhiệm gửi tiền về nhờ bố mẹ đẻ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, bố mẹ chị N cũng không yêu cầu chị N phải thanh toán chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ hoàn toàn nhất trí.

Về tài sản, vay nợ: Hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bà Mạc Thị X trình bày*: Bà là mẹ đẻ chị N, bà nhất trí nhận ủy quyền giao nhận văn bản của chị N và cam kết có trách nhiệm thông báo lại cho chị N biết kết quả giải quyết của Tòa án. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo cho chị N và cho biết chị N vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn và chấp nhận thỏa thuận giữa chị N anh Đ sau khi ly hôn tiếp tục giao con cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, chị N không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Trong thời gian chị N chưa về nước, chị N có trách nhiệm gửi tiền về nhờ vợ chồng bà chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, vợ chồng bà cũng không yêu cầu chị N phải thanh toán chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu giải quyết về tài sản và tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Xác định những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí, án phí Tòa án. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hứa Thị N và anh Trần Anh Đ. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên giao chị N tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung là Trần Hứa T, sinh ngày 07/10/2016; chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao các cháu T cho gia đình bà Mạc Thị X (mẹ đẻ chị N) trông nom, chăm sóc cho đến khi chị N về nước trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị N chịu toàn bộ 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị N và anh Đ đều có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Chị N có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền và đơn xin xét xử vắng mặt của chị Hứa Thị N đều được xác nhận của Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Nhật Bản. Do vậy có căn cứ công nhận các văn bản trên là hợp pháp.

Người yêu cầu là chị N, anh Đ và người được ủy quyền giao nhận văn bản là bà X đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Sở hành chính quận Edogawa, Tokyo, Nhật Bản vào ngày 28/06/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị tổ chức cuộc sống chung vui vẻ hòa thuận và sinh được 01 con chung Trần Hứa T. Do công việc bận rộn anh chị đã gửi con về Việt Nam cho bố mẹ đẻ chị N nhờ chăm sóc, nuôi dưỡng. Đến năm 2017, anh chị phát sinh mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân chủ yếu không hợp nhau trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, đánh cãi nhau dẫn đến cuộc sống lạnh nhạt. Tháng 7 năm 2018 anh Đ hết hợp đồng lao động về nước sinh sống tại phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk, còn chị N vẫn sinh sống và làm việc tại Nhật Bản cho đến nay chưa về nước. Từ đó anh chị không còn liên lạc với nhau, cả hai sống ly thân gần 5 năm nên tình cảm vợ chồng không còn, níu kéo cũng không có hạnh phúc. Nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không muốn níu kéo cuộc sống chung và đều làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống riêng. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trần Hứa T, sinh ngày 07/10/2016. Xét thấy con chung của anh chị đang do bố mẹ đẻ chị N trực tiếp nuôi dưỡng vẫn đảm bảo về mọi mặt. Hai bên cũng đã thống nhất thỏa thuận giao chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, chị N tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải đóng góp tiền nuôi con, trong thời gian chị N chưa về Việt Nam chăm sóc con vẫn tiếp tục nhờ bố mẹ đẻ chị chăm sóc cháu T cho đến khi chị N về trực tiếp nuôi con. Việc thỏa thuận nuôi con của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của con, cần chấp nhận sự thỏa thuận của các bên theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản: Chị N và anh Đ đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về lệ phí: Chị Hứa Thị N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nên Tòa án chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hứa Thị N và anh Trần Anh Đ.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của hai bên giao chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 con chung là Trần Hứa T, sinh ngày 07/10/2016 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Tcho vợ chồng bà Mạc Thị X (là mẻ đẻ chị N) trông nom, chăm sóc cho đến khi chị N về nước trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí: Chị Hứa Thị N tự nguyện chịu cả 300.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0003945 ngày 27/02/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. (chị N đã nộp đủ lệ phí ly hôn).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Sở hành chính quận Edogawa, Tokyo, Nhật Bản (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Mạc Minh Quang